

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 02 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Duy Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ưc Trai.

2. Ông Giàng A Sủ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tráng Seo S, năm sinh 1990.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Giàng Thị V, sinh năm 1993.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn P, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Tráng Seo S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Giàng Thị V tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3/2012, sau đó anh và chị V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, không biết vì lý do gì mà tháng 12/2017 (ngày anh không nhớ) chị V bỏ đi đâu không nói cho ai biết và đến nay không có tin tức gì. Anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị V mất tích, ngày 27/10/2022 Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự tuyên bố chị V mất tích. Từ khi Tòa án tuyên bố chị V mất tích đến nay vẫn không ai biết tin tức gì về

chị V. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V để đảm bảo cuộc sống riêng của anh.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Tráng Anh B sinh ngày 11/01/2014, hiện cháu B đang sống cùng với anh. Thu nhập của anh mỗi tháng 6.000.000 đồng, còn chị V bị Tòa án tuyên bố mất tích nên anh không xác định được thu nhập của chị V. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Đối với bị đơn chị Giàng Thị V: Sau khi Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng vẫn không tiến hành lấy lời khai của chị V được, dẫn đến không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa anh S và chị V.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên là cháu Tráng Anh B trình bày: Nếu bố mẹ để cháu không chung sống với nhau nữa, thì nguyện vọng của cháu được ở với bố, vì bố đẻ của cháu là người quan tâm chăm sóc cháu về mọi mặt, mẹ cháu nhiều năm nay đã đi đâu không ai biết tin tức gì.

4. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

4.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các từ điều Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203, 233.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mất tích nên chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

4.2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh Tráng Seo S được ly hôn với chị Giàng Thị V.

- Về con chung: Giao cháu Tráng Anh B cho anh Tráng Seo S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị V

không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

4.3. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh S, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng vụ án dân sự hợp lệ như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập hai lần cho từng giai đoạn tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để chị V có ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh S và phải có mặt tại trụ sở Tòa án để khai về mối quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa chị V và anh S, nhưng chị V vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, xâm phạm tới quyền lợi của người khác được pháp luật B vệ. Đồng thời, sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị V là hợp pháp. Qua lời khai của anh S, thì cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 12/2017, chị V bỏ đi đâu không thấy về, anh S đã đi tìm ở nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của chị V. Sau đó, anh S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chị V mất tích. Ngày 27/10/2022, Tòa án đã ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự, cụ thể: Tuyên bố chị V mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Nay tình cảm giữa anh S đối với chị V không còn, việc anh S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian anh S và chị V chung sống với nhau chỉ có 01 con chung là cháu Tráng Anh B. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì anh S có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung bình thường, bản thân cháu B có nguyện vọng là được ở với anh S, vì anh S là người quan tâm chăm sóc cháu về mọi mặt. Từ ngày chị V bỏ đi thì cháu B ở cùng với anh S, cháu B luôn được đảm B quyền lợi về mọi mặt bình thường, nên anh S sẽ chăm sóc cháu B tốt về mọi mặt. Vì vậy, việc anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người

không trực tiếp nuôi con: có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị V.

[5] Về án phí sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S đã nộp đơn đề nghị Tòa án miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí hôn nhân gia đình và cung cấp văn bản xác nhận anh S là người đồng bào dân tộc thiểu số đang cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và cá nhân thuộc hộ nghèo. Xét đề nghị của anh S là có căn cứ, phù hợp với khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 56, khoản 1 Điều 71, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Tráng Seo S và chị Giàng Thị V. Quan hệ hôn nhân của anh Tráng Seo S và chị Giàng Thị V được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Tráng Anh B sinh ngày 11/01/2014 cho anh Tráng Seo S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Tráng Seo S được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn - đề niêm yết (3);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Si Ma Cai (2);
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- UBND xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Tổng Duy Toán